TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 11-10-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn". Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Hoài P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Ông Phạm Thanh Đ, Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

3.2 Anh Trương Văn P1, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

3.3 Chị Phan Thị Hồng D, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Trương Hoài P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Hoài P trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Trúc L chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã A, huyện T. Sau khi kết hôn, anh và chị L sống chung nhà với cha mẹ của anh tại ấp S, xã A, huyện T; anh làm nghề tài xế còn chị L thì phụ việc nhà và buôn bán. Sau khi cha mẹ của anh mất, vợ chồng anh cũng xây nhà khác để sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ, vợ nghi ngờ anh vô cớ, gây sự với anh nhiều lần nên vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau nữa. Anh thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có cưới hỏi. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay, vợ và các con vẫn sống tại nhà chung của vợ chồng ở ấp S, còn anh đã ra ngoài sống riêng. Hiện nay anh vẫn làm nghề tài xế xe khách thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Huỳnh Sang S1, sinh ngày 16-3-2007 và Trương Huỳnh Hoài P2, sinh ngày 12-7-2010, hiện 02 con đang sống chung với chị L. Nay ly hôn anh đồng ý giao 02 con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 242,7m^2 (đất ONT 210,9 m^2, đất trồng cây lâu năm 31,8m^2), thửa số 1567, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho anh và chị L đứng tên.

- Trên đất có các tài sản sau: Căn nhà tường cấp 4A; một mái che lợp tole diện tích 4,3m x 9m; một nhà vệ sinh diện tích 2,4m x 3m; một bồn nước Inox 1.500 lít đặt trên nhà vệ sinh; một bồn nước Inox 1.200 lít đặt trên khung sắt; một mái che lợp tole diện tích 2,5m x 3m.

Nay ly hôn anh yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và thanh toán ½ giá trị tài sản cho chị L.

Đối với căn nhà tạm xây dựng trên phần đất giáp ranh giữa anh và chị D cùng một số tài sản khác không còn giá trị sử dụng, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Trúc L trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian kết hôn, sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P có quan hệ bất chính và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay, hiện 02 con chung đang sống cùng chị, chị làm nghề mua bán phế phẩm của bò thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Nay chị có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và thanh toán lại cho anh P số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với căn nhà tạm xây dựng trên phần đất giáp ranh giữa chị và chị D cùng một số tài sản khác không còn giá trị sử dụng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị là chị cùng mẹ khác cha với anh P. Khi cha mẹ còn sống đã phân chia tài sản cho các con xong, phần đất chị được cho chị đã sang tên cho con gái tên Phan Thị Hồng D. Khi mẹ của chị là bà Hồ Thị Đ1 còn sống có xây một căn nhà tạm để chứa cám nuôi heo, căn nhà này được xây trên phần đất giữa phần đất giao cho vợ chồng anh P và chị D. Hiện nay căn nhà này không còn giá trị sử dụng, chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau khi vợ chồng anh P ly hôn nếu có nhu cầu sử dụng đất thì tự tháo dỡ căn nhà tạm trên, chị không có ý kiến.

Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh P là do P không chung thủy, đã ngoại tình với người phụ nữ tên K; P ham chơi không lo lắng cho gia đình, vợ con, không lo cúng giỗ cho cha mẹ. Chị yêu cầu khi phân chia tài sản chung thì ưu tiên giao toàn bộ tài sản chung cho chị L quản lý, sử dụng để chị L có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

Anh Trương Văn P1 trình bày: Anh là anh ruột của anh P, anh thống nhất với lời trình bày của chị L1. Anh không tranh chấp căn nhà tạm do mẹ anh chết để lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị Phan Thị Hồng D trình bày: Mẹ của chị tên Nguyễn Thị L1 cho chị phần đất giáp ranh với đất của vợ chồng chú P, giữa phần ranh đất có căn nhà tạm do bà ngoại của chị xây dựng để chứa cám. Sau khi bà ngoại mất thì không ai sử dụng, nay chị không tranh chấp căn nhà này và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Hoài P và chị Huỳnh Thị Trúc L.

Về con chung: Giao chị Huỳnh Thị Trúc L có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Huỳnh Sang S1, sinh ngày 16-3-2007 và cháu Trương Huỳnh Hoài P2, sinh ngày 12-7-2010. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu S1, cháu P2 đủ 18 tuổi. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về chia tài sản chung:

Chị Huỳnh Thị Trúc L được quyền tiếp tục sở hữu và sử dụng:

Quyền sử dụng đất có diện tích 242,7m^2 (đất ONT 210,9 m^2, đất trồng cây lâu năm 31,8m^2), thửa số 1567, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 15-7-2016 cho anh P và chị L đứng tên, có tứ cận: Đông giáp đất bà Thảo (thửa 501) dài 29,84m; Tây giáp đất chị D (thửa 500) dài 26,58m; Nam giáp đường nhựa dài 09m; Bắc giáp thửa đất 479, 455 dài 2,58m + 6,51m. Trị giá 1.170.000.000 đồng.

Cùng các tài sản trên đất gồm: Căn nhà tường cấp 4A, diện tích 83,79m^2 (ngang 4,9m dài 17,1m), trị giá 153.911.672 đồng; một mái che lợp tole diện tích 38,7 m^2, trị giá 6.973.000 đồng; một nhà vệ sinh diện tích 7,2m^2 trị giá 7.059.600 đồng; một bồn nước Inox 1.500 lít đặt trên nhà vệ sinh trị giá 1.850.000 đồng; một bồn nước Inox 1.200 lít đặt trên khung sắt trị giá 1.750.000 đồng; một mái che lợp tole diện tích 7,5m^2 trị giá 1.689.375 đồng.

Chị Huỳnh Thị Trúc L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trương Hoài P số tiền 335.808.500 đồng.

Chị L có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi GCNQSDD số CS16014 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 15-7-2016 cho anh P, chị L đứng tên và cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, anh Trương Hoài P có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu định giá lại tài sản chung của vợ chồng, chia đôi tài sản chung và được nhận hiện vật là phần đất không có nhà ngang 4,1m dài 24m, chị L có trách nhiệm thanh toán lại cho anh giá trị tài sản chênh lệch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Về tài sản chung:

Chị Huỳnh Thị Trúc L được quyền quản lý, sử dụng:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 242,7m^2 (đất ONT 210,9 m^2, đất trồng cây lâu năm 31,8m^2), thửa số 1567, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 15-7-2016 cho anh P và chị L đứng tên, có tứ cận: Đông giáp đất bà Thảo (thửa 501) dài 29,84m; Tây giáp đất chị D (thửa 500) dài 26,58m; Nam giáp đường nhựa dài 09m; Bắc giáp thửa đất 479, 455 dài 2,58m + 6,51m.

+ Cùng các tài sản trên đất gồm: Căn nhà tường cấp 4A, diện tích 83,79m^2 (ngang 4,9m dài 17,1m); một mái che lợp tole diện tích 38,7 m^2; một nhà vệ sinh diện tích 7,2m^2; một bồn nước Inox 1.500 lít đặt trên nhà vệ sinh; một bồn nước Inox 1.200 lít đặt trên khung sắt; một mái che lợp tole.

Chị Huỳnh Thị Trúc L có trách nhiệm giao cho anh Trương Hoài P số tiền 500.000.000 đồng.

- Về hôn nhân, con chung: Không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham

gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận anh Trương Hoài P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), đã nộp xong.

[3] Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trương Hoài P phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí đối với số tiền 500.000.000 đồng giá trị tài sản chung được chia.

- Chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu án phí đối với số tiền 843.234.000 đồng giá trị tài sản chung được chia.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trương Hoài P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 63/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1 Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Hoài P và chị Huỳnh Thị Trúc L.

1.2 Về con chung: Giao chị Huỳnh Thị Trúc L có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Huỳnh Sang S1, sinh ngày 16-3-2007 và cháu Trương Huỳnh Hoài P2, sinh ngày 12-7-2010. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu S1, cháu P2 đủ 18 tuổi. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung:

- Chị Huỳnh Thị Trúc L được quyền quản lý, sử dụng:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 242,7m^2 (đất ONT 210,9 m^2, đất trồng cây lâu năm 31,8m^2), thửa số 1567, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 15-7-2016 cho anh P và chị L đứng tên, có tứ cận: Đông giáp đất bà Thảo (thửa 501) dài 29,84m; Tây giáp đất chị D (thửa 500) dài 26,58m; Nam giáp đường nhựa dài 09m; Bắc giáp thửa đất 479, 455 dài 2,58m + 6,51m.

+ Cùng các tài sản trên đất gồm: Căn nhà tường cấp 4A, diện tích 83,79m^2 (ngang 4,9m dài 17,1m); một mái che lợp tole diện tích 38,7 m^2; một nhà vệ sinh diện tích 7,2m^2; một bồn nước Inox 1.500 lít đặt trên nhà vệ sinh; một bồn nước Inox 1.200 lít đặt trên khung sắt; một mái che lợp tole.

- Chị Huỳnh Thị Trúc L có trách nhiệm giao cho anh Trương Hoài P số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trương Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 24.000.000 đồng án phí trên giá trị tài sản chung được chia và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh P phải chịu 24.600.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009800 ngày 23-3-2018 và 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0009861 ngày 06-4-2018 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh P còn phải nộp số tiền 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu 37.297.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) trên giá trị tài sản chung được chia.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trương Hoài P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016312 ngày 08-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận anh Trương Hoài P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1 THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang